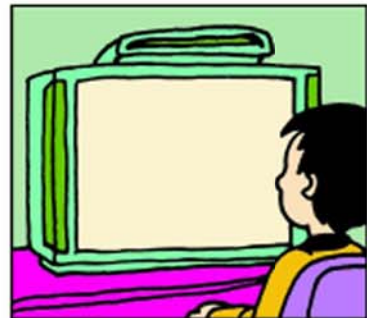
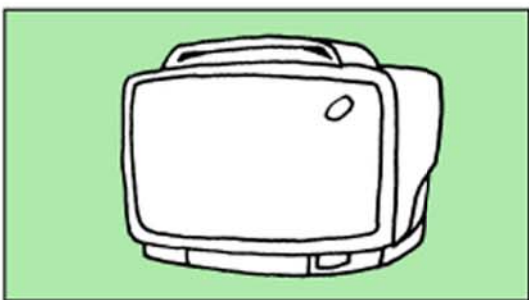
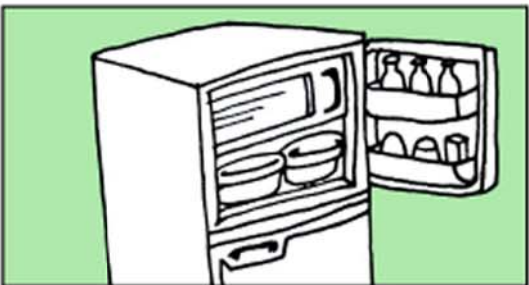
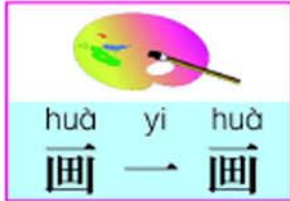


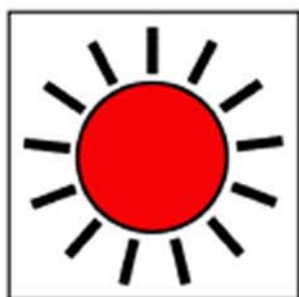
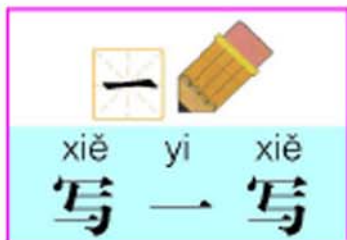
02.01.这是电脑

1 zhè shì diàn nǎo 这是电脑



02.01.这是电脑

1 zhè shì diàn nǎo 这是电脑



02.01.这是电脑

dǎ diàn huà
打 电 话

xīng xing xīng xing mǎn tiān sā
星 星 星 星 满 天 撒 ，

wǒ hé xīng xing dǎ diàn huà 。
我 和 星 星 打 电 话 。

xiǎo xīng xing nǐ hǎo a
小 星 星 “ 你 好 啊 ”

xiǎo péng you nǐ hǎo a
小 朋 友 “ 你 好 啊 ”

tiān kōng a tā hěn dà ,
天 空 啊 它 很 大 ，

zhǎng dà wǒ yào lái guān chá
长 大 我 要 来 观 察



那是什么？

那是熊猫

大象

猴子

小狗

兔子

那是大象

熊猫

山

大熊猫

Nà shì shén me?

那是什 么

Nà shì xióng māo

那是熊 猫

Dà xiàng

大 象

Hóu zi

猴 子 #

Xiǎo gǒu

小 狗

#

Tù zǐ

兔 子

Shān

山

Dà xióng māo

大 熊 猫

Diàn huà

电 话

Bīng xiāng

冰 箱

LEE Y EMPAREJA 02_01

山		Hóuzi
日		jīdàn
大熊猫		xióngmāo
熊猫		Diàn nǎo
鸡蛋		Dà xióngmāo
兔子		Diàn shì
邮递员		Bīng xiāng
电话		Xiǎo gǒu
电视		Diàn huà
猴子		qìqiú
冰箱		húluóbo
香蕉		Rì
大象		Shān
电脑		zhī xiāngjiāo
小狗		Dà xiàng
胡萝卜		yóu dì yuán
气球		Kòng tiáo
空调		Tùzǐ

你叫__么名字?

小__乖乖

她是医__

他__我弟弟

打__话

她是__妈妈吗?

我__宝宝

这是__脑

数__星

她是__生吗?

她是__妈妈

__是谁

小手__话

拍__球

那是什__?

这__电脑吗?

大__猫

那__熊猫

医

生

电

你

么

兔

他

星

是

熊

叫

是

电

是

的

我

皮

什

不客

Cachorro

Shān

大象

Teléfono

Dà xióngmāo

大熊猫

Elefante

Kòng tiáo

兔子

conejo

Hóuzi

空调

De nada

Diàn nǎo

猴子

Esto

Dà xiàng

香蕉

Frigorífico

xièxiè

冰箱

Bananas

Diàn shì

电视

Mono

Rì

山

panda

Zhè

小狗

Aire acondicionado

zhī xiāngjiāo

谢谢

Ordenador

Diàn huà

八

Montaña

Bīng xiāng

熊猫

Gracias

Tùzǐ

电脑

Día

bā

电话

Panda gigante.

Xiǎo gǒu

这

Ocho

xióngmāo

日

Televisión

bù kè qì

大象

conejo

qìqiú

电视

Bananas

Dà xiàng

空调

Zanahorias

Diàn huà

日

panda

Diàn shì

电脑

Esto

Rì

山

Globos

jīdàn

大熊猫

Ordenador

Zhè

鸡蛋

Elefante

Hóuzi

熊猫

Montaña

húluóbo

猴子

Mono

Diàn nǎo

电话

Día

Bīng xiāng

小狗

Panda gigante.

Xiǎo gǒu

兔子

Frigorífico

Tùzǐ

冰箱

Huevos

xióngmāo

这

Cachorro

Dà xióngmāo

香蕉

Aire acondicionado

Kòng tiáo

气球

Televisión

Shān

胡萝卜

Teléfono

zhī xiāngjiāo

LEE Y EMPAREJA 02_01

日



Huevos

空调



conejo

猴子



Globos

兔子



Elefante

冰箱



Teléfono

熊猫



Frigorífico

小狗



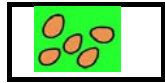
panda

胡萝卜



Cachorro

山



Zanahorias

邮递员



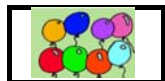
Montaña

气球



Día

电脑



Mono

香蕉



Panda gigante.

大象



Televisión

大熊猫



Ordenador

鸡蛋



Aire acondicionado

电视



Cartero

电话



Bananas